

Kỹ thuật nuôi Cá ngựa

Cá ngựa có hình dáng cong queo, gập khúc, phần đầu và phần ngực gần như vuông góc; mõm hình ống, ngực và bụng lồi (do 10-13 chiếc xương cong ra tạo thành), đuôi dài, nhỏ và cuộn khúc 4 vòng, không có vây bụng và vây đuôi. Đầu ví thân cá đực có nhiều gai, cơ thể mấu lá cọ, ở một số con có thể có chấm nhỏ màu nâu, bụng cá (phần gần đuôi) có túi sinh dục. Cá ngựa cái khác cá ngựa đực ở điểm không có gai, da sáng và nhẵn.

1. Kỹ thuật ương giống và nuôi cá ngựa nhân tạo

Đầu tiên, chọn cá ngựa bố mẹ có độ tuổi từ 1 đến 2 năm, cơ thể to, vóc dáng khỏe mạnh, không bị bệnh tật.

Cá ngựa mẹ có phần bụng phình to, khoang bụng rộng. Cá ngựa bố cơ thể dài, to, túi trước bụng phát triển hoàn chỉnh.

Thông thường, thả nuôi riêng rẽ cá ngựa bố mẹ với mật độ 20 con/m³. Hằng ngày, tiến hành cho cá ăn thức ăn tươi sống, giàu chất dinh dưỡng từ 3 đến 4 lần. Sau một thời gian vỗ béo, khi cá ngựa bố mẹ đã thành thực, người ta duy trì nhiệt độ nước ổn định trong khoảng >20⁰C, tiến hành phối giống với tỷ lệ là 1 con đực, 1-2 con cái.

Cá ngựa thường giao phối vào sáng sớm hoặc chập tối. Vào thời kỳ này, cá bố mẹ ăn ít, cơ thể nhạt màu hơn trước. Ban đầu cá đực và cá cái đuôi nhau, chúng tiến lại gần và áp bụng vào nhau, cá đực sẽ mở rộng miệng túi đón lấy trứng từ lỗ sinh dục của cá cái, đồng thời phóng tinh dịch để thụ tinh cho toàn bộ số trứng đó. Trứng đã thụ tinh sẽ phát triển trong túi của cá đực. Ngay sau khi giao phối, túi của cá ngựa đực nhỏ, trong và rất mềm. Càng về sau, do các hợp tử phát triển, túi ngày một to lên, màu sắc sẫm lại, túi có trạng thái một khối rắn chắc. Trong suốt thời gian ấp trứng, cá ngựa đực rất ít vận động, chúng có xu hướng lặn sâu xuống đáy bể, ăn ít. ở thời kỳ này, cá ngựa bố hoàn toàn tập trung vào công việc bảo vệ và nuôi dưỡng phôi thai.

Thời gian phát triển từ hợp tử thành cá ngựa con lâu hay chóng phụ thuộc phần lớn vào nhiệt độ môi trường nước. Nếu nhiệt độ dao động trong khoảng 20-22⁰C, thời gian này sẽ là 16 đến 18 ngày, ở nhiệt độ 28-30⁰C, thời gian này chỉ còn 10-12 ngày.

Rất dễ nhận thấy biểu hiện "sắp sinh" của cá ngựa đực: Màu sắc của túi sinh dục chuyển từ màu nâu vàng (hoặc màu nâu nhạt) sang màu nâu sẫm, túi không còn cứng và chắc nữa mà trở nên mềm và lỏng hơn, miệng túi mở rộng. Thời gian "chuyển dạ" chỉ khoảng mấy phút đến mười mấy phút, nhưng nếu bị ảnh hưởng bởi một số nguyên nhân nào đó thì thời gian "chuyển dạ" thậm chí kéo dài từ một đến ba ngày.

Cá bố sinh xong phải được tách khỏi bể, để lại cá con ví tiến hành nuôi dưỡng. Nếu việc tách cá bố không được tiến hành kịp thời, chúng sẽ ăn thịt chính các con của mình.

Điều cần chú ý là: Trong điều kiện nuôi nhân tạo, có rất nhiều cá ngựa bố mẹ không phát dục. Tỷ lệ cá ngựa chấm và cá ngựa đen có khả năng sinh sản thường chỉ 20-80%.

Cá ngựa con mới sinh đã có thể ăn các loại ấu trùng nhỏ như trùng bánh xe. Khi chiều dài cơ thể của cá ngựa con đạt 5-6cm, tiến hành cho ăn tôm nhỏ. Với chiều dài 10cm, ngoài việc ăn tôm nhỏ, cá ngựa cần được bổ sung thêm cá tươi (dưới dạng các mảnh vụn).

Cần tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc: Cho cá ăn ít nhưng nhiều lần, để tránh việc cá bị đói hoặc ngược lại bị chết do bội thực.

Trong quá trình nuôi dưỡng, phải thường xuyên làm vệ sinh bể nuôi, loại bỏ thức ăn thừa và các chất thải, đảm bảo chất nước luôn trong sạch, duy trì độ nhìn thấu của nước ở mức 35-40cm, tránh ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp.

Nếu nhiệt độ môi trường tăng, phải chú ý lượng dưỡng khí hoà tan trong nước để đảm bảo cá vẫn đủ ôxy để thở. Định kỳ tiến hành thay nước. Mùa hè, một đến hai ngày thay nước một lần.

Khi chuyển cá sang bể khác, động tác phải hết sức nhẹ nhàng, không được gây thương tổn cho cá, dù là nhỏ nhất, vì khi đó cá rất dễ nhiễm bệnh

2. Phòng trừ dịch bệnh

Cá ngựa là loài có khả năng đề kháng kém, rất dễ nhiễm bệnh. Với bất cứ một sự thay đổi nào của môi trường sống, chúng đều khó thích nghi và trở nên yếu hơn.

Các bệnh thường gặp ở cá ngựa do chuyên gia Trung Quốc đúc rút được trong quá trình nuôi là: Bệnh đầy hơi trướng bụng, bệnh phỏng bong bóng, viêm ruột, mù mắt do thiếu ánh sáng...

Trong công tác phòng trừ bệnh tật phải coi trọng việc phòng ngừa, tránh để phát sinh thành bệnh vì việc chữa trị vừa tốn kém vừa ít hiệu quả.

Việc phòng ngừa bệnh tật được thực hiện bằng một số công việc cụ thể như: Theo dõi thường xuyên nhiệt độ nước trong bể, ánh sáng, độ mặn, lượng dưỡng khí hòa tan, độ pH, mật độ thả nuôi. Ngoài ra, tiến hành vệ sinh bể bằng các dụng cụ chuyên dụng.

Khi cá đã bị mắc bệnh thì phải dùng thuốc kháng sinh hoặc CuSO_4 để chữa bệnh.